

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Bản án số: 143/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8 /2020

V/v “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Chiến

2. Bà Nguyễn Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hào

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2020/TLST-HNST ngày 27 tháng 4 năm 2020, về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020 /QĐXX ST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa 11/2020 /QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1980 (Có mặt)

Bị đơn: Anh Hồ Ngọc A, sinh năm 1973(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ:Thôn N, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/3/2020, các văn bản tố tụng khác và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị và anh A tổ chức cưới hỏi vào tháng 9/2007, trước khi cưới có tìm hiểu thời gian ngắn, tự nguyện đi đến hôn nhân, có giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã N cấp. Sau khi cưới vợ chồng sống phía gia đình chồng, cuộc sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh A luôn vô cớ gây chuyện chửi mắng, nhiều lần đánh đập, đuổi vợ con ra khỏi nhà, anh còn đập phá tài sản như tủ lạnh, máy đánh trứng và đồ nghề làm bánh kem, chị đã có đơn gửi đến Công an xã N can thiệp, anh làm có tiền tự chi tiêu riêng, không quan tâm đến vợ con, anh chị thường có lời qua tiếng lại vì những mâu thuẫn lặt vặt hàng ngày. Mâu thuẫn trầm trọng nhất là vào năm 2018 chị bị bệnh, sau khi phẫu thuật thì không thể thực hiện chức năng sinh lý người phụ nữ thì anh càng chửi mắng và xúc phạm đến chị, nhiều lần anh cũng thách thức và nói “Ly hôn đi, vì anh không thể sống với một người đàn ông”, gia đình có hòa giải nhưng không ai

nhường nhịn ai. Sau khi anh đến Tòa về thì còn nhắn tin hăm dọa và điện thoại chửi mắng gia đình phía chị. Vợ chồng không chung sống từ tháng 11/2019 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh A nữa, nay yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Ngọc A.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Hồ Gia N, sinh ngày 17/5/2008 và tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014, hiện các con đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 người con chung, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi cháu P từ nay cho đến khi trưởng thành, mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Hiện chị làm nghề bán bánh tươi, phục đám tiệc thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị có đơn rút đơn yêu cầu về chia tài sản, nay chị không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 12/5/2020 và các văn bản tố tụng khác bị đơn anh Hồ Ngọc A trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị K kết hôn năm 2007, có thời gian tìm hiểu khoảng 01 năm, tự nguyện đi đến hôn nhân, có Giấy đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do anh nóng tính, còn vợ hay nói nhiều, không ai nhường nhịn ai, vợ chồng thường kinh cãi nhau, bất đồng quan điểm sống vì những mâu thuẫn lật vặt hàng ngày. Gần đây anh có nhắn tin cho vợ vì bức tức do vợ hay tâm sự hàng xóm. Những việc vợ trình bày về kinh tế gia đình tiền bạc, việc đập tài sản trong nhà, chửi mắng anh về phía vợ là đúng, anh hứa sẽ sửa đổi những tính hư tật xấu trên. Hiện anh còn tình cảm với vợ, nên không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nuôi dạy các con.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Hồ Gia N, sinh ngày 17/5/2008 và tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014 đang sống với vợ. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi 02 người con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh làm thợ rèn, thu nhập bình quân mỗi tháng 10.000.000đ.

Về tài sản chung: Anh không tranh chấp về tài sản chung.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến nay, tất cả các hoạt động tố tụng của Thẩm phán, hội thẩm, thư ký và việc tuân thủ pháp luật của các đương sự, đều theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn anh Hồ Ngọc A không chấp hành nghĩa vụ của đương sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị K, cho chị được ly hôn với anh Hồ Ngọc A.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Hồ Gia N, sinh ngày 17/5/2008 và tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014 cho chị K chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đ, từ nay cho đến tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ: Chị K có đơn rút yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nên đình chỉ về tài sản.

Về án phí: Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về mặt tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu cho chị được ly hôn với anh Hồ Ngọc A và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn anh Hồ Ngọc A đang cư trú tại xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định nên theo khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết Tòa án nhân dân thị xã A.

[1.2]. Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Hồ Ngọc A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt, không có lý do, theo điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Hồ Ngọc A tự nguyện đi đến hôn nhân, có tổ chức cưới hỏi và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 quyền số 01/2007 ngày 14/9/2007 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh chị đều xác định mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, thường kình cãi nhau, anh A nóng tính vô cớ gây chuyện, chửi mắng, đánh đập chị, nhiều lần chị K dẫn các con bỏ đi, anh A cũng thừa nhận anh có đập phá tài sản trong nhà, có nhắn tin xúc phạm vợ và chửi mắng anh rể phía vợ, anh hứa sẽ thay đổi. Vợ chồng không sống chung từ 11/2019 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh thể hiện chính quyền địa phương có nhận đơn báo cáo và điện thoại của chị K gọi đến nhờ can thiệp. Qua các lần hòa giải ở gia đình và tại Tòa nhưng anh chị cũng không thể hàn gắn được. Anh A có yêu cầu đoàn tụ nhưng thực tế anh không có phương hướng, kế hoạch mà lại còn nhắn tin và chửi mắng phía vợ làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình, quy định “*vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình...*”. Qua phân tích mâu thuẫn vợ chồng và viện dẫn những quy định pháp luật ở trên, thể hiện quan hệ hôn nhân giữa anh chị thật sự đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 19 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2.] Xét về yêu cầu nuôi con chung : Vợ chồng có 02 người con chung tên Hồ Gia N và tên Hồ Gia P, hiện các cháu đang ở với chị K, anh chị đều có yêu cầu nuôi cả 02 người con chung. Việc nuôi con là căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, xem xét các điều kiện, bảo đảm việc học hành và các điều kiện về thể chất đủ cho việc sinh hoạt, và phát triển tốt về tinh thần các con. Thời gian qua cả cháu N và cháu P đều ở cùng với mẹ do chị K chăm sóc, đã thích nghi việc ăn uống học hành và lời trình bày của cháu N cũng mong muốn được ở với mẹ, cháu P thì còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của mẹ mới đảm bảo về mọi mặt hơn, hiện chị K có việc làm, có nơi ở và có thu nhập ổn định, đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng. Qua phân tích trên,

HĐXX giao cả hai người con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng sau ly hôn là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Qua xem xét mức thu nhập của anh A, chị K và mức chi phí sinh hoạt của các con ở thời điểm hiện nay và trách nhiệm nghĩa vụ của anh A đối với các con chung. HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị K buộc anh A có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi người con chung tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014 với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ là phù hợp được quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 8/2020, còn về phương thức cấp dưỡng và thời điểm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng căn cứ theo Điều 117 và 118 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ: Trước đây chị K yêu cầu chia tài sản chung nhưng vào ngày 21/5/2020 chị có đơn rút đơn yêu cầu, anh A cũng không tranh chấp nên đình chỉ không xem xét.

[2.4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì chị K phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ và hoàn trả tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho chị K.

Theo khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh và anh A phải chịu án phí cấp dưỡng 300.000đ.

[3] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Nhơn phù hợp với nhận định trên nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Áp dụng các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị K ly hôn với anh Hồ Ngọc A.

2. Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Giao 02 người con tên Hồ Gia N, sinh ngày 17/5/2008 và tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014 cho chị K tiếp tục, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến tuổi trưởng thành hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Buộc anh Hồ Ngọc A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 người con chung tên Hồ Gia P, sinh ngày 04/4/2014, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, với mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn hoặc về thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ: Chị K có đơn rút yêu cầu chia tài sản khi ly hôn, anh A cũng không tranh chấp nên đình chỉ không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào 3.300.000đ (Ba triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004937 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, còn hoàn trả cho chị K 3.000.000.đ (Ba triệu đồng). Anh Hồ Ngọc A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hồ Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
Tòa án ND tỉnh Bình Định.
- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS.TX A;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Oanh